

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2017/HNGĐ-ST

Ngày 23-8-2017.

V/v ly hôn, chia tài sản khi ly
hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Bà Nguyễn Thị Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2017, về “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972, có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1973, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp GT, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966, cư trú tại: Nhà số 02, hẻm A, tỉnh lộ 6, ấp GT, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1982, cư trú tại: Nhà số 02, tổ 5, tỉnh lộ 6, ấp GL, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 3 năm 2017, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 04 tháng 8 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vợ chồng bà chung sống với nhau từ năm 1990, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình chồng tại ấp Gia Tân, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh được vài tháng thì vợ chồng mua đất xây nhà ra riêng tại ấp Gia Tân, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2008, chồng bà thay đổi tính tình, ham mê rượu chè và thường hay đánh bà. Năm 2017, chồng bà đánh bà chấn thương vùng mặt phải điều trị tại bệnh viện Trảng Bàng. Nay bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu ly hôn với chồng là Phạm Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng Đ, sinh năm 1991 đã có gia đình và Phạm Văn T, sinh năm 1995, hiện đang sống chung nhà.

Về tài sản chung:

Vợ chồng có các tài sản chung gồm:

- Phần đất thổ cư diện tích 1.626,9m², thửa 362, tờ bản đồ số 23 (bản đồ 2005), tọa lạc tại: Ấp GT, xã GL, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

* Tài sản trên đất:

+ 01 căn nhà tường cấp 4C, diện tích 7,5m x 15m = 112,5m², lợp thiếc, chưa tô, nền xi măng, xây dựng năm 2008;

+ 01 căn nhà tạm, diện tích 6,4m x 7,4m = 47,36m², lợp thiếc, vách dựng, nền xi măng, xây dựng năm 2008;

+ 01 chuồng gà, diện tích 04m x 7,1m = 284m², lợp thiếc, xây tường cao 01m, nền xi măng, xây dựng năm 2015.

- Phần đất ruộng diện tích 3.349,5 m², thửa 105, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 2005), tọa lạc tại: Ấp LK, xã GL, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Về nợ chung: Nợ bà Nguyễn Thị H 10 chỉ vàng 24k 9999, nợ bà Nguyễn Thị Kim Q số tiền 25.000.000 đồng, nợ ông Phan Văn S số tiền 4.000.000 đồng, nợ ông Ngô Văn L số tiền 4.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ly hôn với ông K. Về con chung: Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà rút yêu cầu chia tài sản chung. Về nợ chung: Bà nhận trả nợ cho bà H và bà Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn K trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của vợ ông là đúng về thời gian sống chung, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trước đây, vợ chồng có mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, ông có nóng giận và đánh vợ. Vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là chị ruột của bà T. Bà có cho bà T, ông K vay 10 chỉ vàng 9999 khi vợ chồng bà T còn chung sống. Ngày 18/4/2017, bà có khởi kiện yêu cầu bà T, ông K trả 10 chỉ vàng 9999. Nay bà T nhận trả nợ cho bà nên bà rút lại yêu cầu khởi kiện để bà và vợ chồng bà T thỏa thuận tại gia đình. Bà không có yêu cầu khác.

Bà Nguyễn Thị Kim Q trình bày: Bà là cháu gọi bà T bằng dì. Bà có cho bà T, ông K vay số tiền 25.000.000 đồng. Ngày 18/4/2017, bà có khởi kiện yêu cầu bà T, ông K trả 25.000.000 đồng. Nay bà T nhận trả nợ cho bà nên bà rút lại yêu cầu khởi kiện để bà và vợ chồng bà T thỏa thuận tại gia đình. Bà không có yêu cầu khác.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông K.

Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà T.

Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Q và bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kim Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà H, bà Q là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K chung sống với nhau từ năm 1990, không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, bà T và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông K thay đổi tính tình, rượu chè và đánh đập bà T. Xét thấy bà T và ông K chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà T có yêu cầu ly hôn với ông K, ông K đồng ý ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông K.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Hồng Đ, sinh năm 1991 và Phạm Văn T, sinh năm 1995; hiện đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[4] Tài sản chung: Bà T có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung. Việc rút yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà T.

[5] Về nợ chung: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu bà T, ông K trả 10 chỉ vàng 9999; bà Q yêu cầu bà T, ông K trả 25.000.000 đồng. Do bà Q, bà H tự nguyện rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Q, bà H.

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 1.500.000 đồng, ghi nhận bà T nhận chịu.

[6] Về án phí:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn K.

2. Về con chung: Hiện đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị T.

4. Về nợ chung:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Q.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 4.050.000 đồng theo Biên lai số 0008608 ngày 16/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; hoàn trả lại bà T số tiền 3.750.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 886.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008729 ngày 19/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim Q số tiền 625.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008728 ngày 19/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 1.500.000 đồng, ghi nhận bà T nhận chịu (bà T đã nộp xong).

6. Báo cho bà T biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông K, bà Q, bà H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND. H.Trảng Bàng;
- THADS. H.Trảng Bàng;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- UBND xã GL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm